

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị âm thanh không dây
dải tần 25 MHz đến 2000 MHz”***Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,**Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz (QCVN 91:2015/BTTTT).**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.**BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Bắc Sơn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 91:2015/BTTTT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ ÂM THANH KHÔNG DÂY
DẢI TẦN 25 MHZ ĐẾN 2000 MHZ**

***National technical regulation
on cordless audio devices
in the range 25 MHz to 2000 MHz***

HÀ NỘI - 2015

Mục lục

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Tài liệu viện dẫn

1.4. Giải thích từ ngữ

1.5. Ký hiệu

1.6. Chữ viết tắt

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Các yêu cầu chung

2.1.1. Yêu cầu đối với thiết bị cần đo kiểm

2.1.2. Điều kiện đo kiểm, nguồn điện và nhiệt độ môi trường

2.1.3. Điều kiện chung

2.1.4. Phân tích kết quả đo

2.1.5. Độ không đảm bảo đo

2.2. Phương pháp đo và các mức giới hạn đối với máy phát

2.2.1. Yêu cầu cơ bản đối với thiết bị công suất thấp băng tần II

2.2.2. Phương pháp đo và giới hạn các tham số phát của thiết bị công suất thấp băng tần II

2.2.3. Sai số tần số

2.2.4. Công suất sóng mang

2.2.5. Băng thông kênh

2.2.6. Phát xạ giả và bức xạ vỏ máy

2.2.7. Khóa đóng tắt máy phát âm thanh không dây

2.3. Phương pháp đo và các mức giới hạn đối với máy thu

2.3.1. Phát xạ giả và bức xạ vỏ máy

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

PHỤ LỤC A (Quy định) Phép đo bức xạ

PHỤ LỤC B (Quy định) Sơ đồ đo bằng thông cần thiết

PHỤ LỤC C (Quy định) Các tham số máy thu

PHỤ LỤC D (Tham khảo) Giới hạn phát xạ giả bức xạ đối với LPD băng tần II

PHỤ LỤC E (Tham khảo) Luận cứ về đo cường độ trường

PHỤ LỤC F (Tham khảo) Bố trí phép đo điển hình

THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lời nói đầu

QCVN 91:2015/BTTTT được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn ETSI EN 301 357-1 V1.4.1 (2008-11) của Viện tiêu chuẩn Viễn thông châu Âu (ETSI).

QCVN 91:2015/BTTTT do Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ thẩm định và trình duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTTTT ngày 28 tháng 9 năm 2015.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ ÂM THANH KHÔNG DÂY
DẢI TẦN 25 MHZ - 2000 MHZ
*National technical regulation
on cordless audio devices
in the range 25 MHz to 2000 MHz***

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này áp dụng cho thiết bị âm thanh không dây có dải tần hoạt động 25MHz đến 2 000 MHz sau:

- Tai nghe không dây;
- Loa không dây;
- Thiết bị giám sát trong tai sử dụng điều chế tương tự có độ rộng băng tần 300kHz hoặc điều chế số FDMA có độ rộng băng tần 300 kHz, 600 kHz, 1200 kHz;
- Thiết bị âm thanh không dây trên ô tô;
- Thiết bị không dây cá nhân;
- Thiết bị trong hệ thống âm thanh đa kênh băng rộng;
- Các thiết bị công suất thấp băng tần II dải tần từ 87,5 MHz đến 108 MHz (băng tần II dành cho các nghiệp vụ quảng bá) dùng điều chế tương tự có độ rộng băng tần không lớn hơn 200 kHz.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn này trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

ITU-R Recommendation BS.559-2 (1990): "Objective measurement of radio-frequency protection ratios in LF, MF and HF broadcasting".

IEC 60244-13 (1991): "Methods of measurement for radio transmitters - Part 13: Performance characteristics for FM sound broadcasting".

ETSI TR 102 273 (all parts) (2001): "Electromagnetic compatibility and Radio spectrum Matters (ERM); Improvement on Radiated Methods of Measurement (using test site) and evaluation of the corresponding measurement uncertainties".

ANSI C63.5 (2006): "American National Standard for Calibration of antennas Used for Radiated Emission Measurements in Electro Magnetic Interference".

IEC 60489-3 (1988): "Methods of measurement for radio equipment used in the mobile services. Part 3: Receivers for A3E or F3E emissions".

1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1. Băng tần phân chia hoặc băng tần ứng dụng (allocated or applicable band)

Băng tần được định nghĩa theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.